TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HS-ST
Ngày 30-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Tại điểm cầu trung tâm, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công;

Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Duy Tín - Kiểm sát viên.

Tại điểm cầu thành phần, Nhà tạm giữ Công an huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:

- Ông Lê Phước Sang, là Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Hoàng Vỉnh, là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến đối với vụ án hình sự thụ lý số: 28/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn Q, sinh năm 1997, tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Kim L; chưa có vợ, con;

Tiền án: chưa;

Tiền sự: Ngày 23/10/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng

biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời hạn 21 tháng; chấp hành xong ngày 16/02/2022;

Bị tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 22/02/2023 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

- Bà Lê Thị L1, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Trần Thị Nít N1, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Trương Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Trương Văn N2, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Kim L (B1); có mặt.

- Ông Nguyễn Phúc L2; vắng mặt.

- Ông Phạm Hữu P; vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị O; vắng mặt.

- Ông Lê Văn T1 (B2); có mặt.

- Ông Triệu Văn Việt H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và mua má túy sử dụng nên Lê Văn Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng 07 giờ ngày 16/02/2023, Q đi bộ đến ấp L, xã K, huyện C thấy xe mô tô nhãn hiệu YUMATI, biển số 67M3-5853 của Lê Thị L1 dựng cặp lề đường, không người trông giữ, nên lén đến tháo dây điện ở cổ xe, nổ máy chạy đi. Bà L1 phát hiện bị Q lấy trộm xe nên đến Công an xã K, huyện C trình báo. Sau đó, Q nhờ Nguyễn Thị Kim L (mẹ ruột của Q) trả lại xe cho L1 và đến Công an xã K đầu thú.

Quá trình điều tra, còn xác định, khoảng 07 giờ ngày 12/02/2023, Q đi bộ đến ấp H, xã K, thấy xe đạp (đã cũ, không nhớ rõ đặc điểm xe, không xác định được chủ sở hữu), dựng cặp lề đường, không người trông giữ. Q lấy xe đạp chạy đi được khoảng 01km đến ấp H, xã K. Thấy xe mô tô biển số 67L1-665.51, nhãn hiệu ORIENTAL của Huỳnh Văn N dựng cặp lề đường, không người trông giữ, Q bỏ lại xe đạp tại đây, lấy trộm xe mô tô của ông N chạy đến ấp M, xã M, bán cho Trương Văn N2 với số tiền 400.000 đồng, tiêu xài cá nhân.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu YUMATI, biển số 67M3-5853, hiện đã trao trả cho Lê Thị L1.

- Căn cứ các Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG.TTHS ngày 21/02/2023 và số 24/KL-HĐĐG.TTHS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: Xe mô tô nhãn hiệu YUMATI, biển số 67M3-5853, đã qua sử dụng, trị giá 4.000.000 đồng. Xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, biển số 67L1-665.51, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 5.500.000 đồng.

Ngày 22/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới khởi tố bị can đối với Lê Văn Q để điều tra xử lý.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKSCM ngày 23 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Bị hại ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trương Văn N2, người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim L (Bích), ông Lê Văn T1 (B2) cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân không tốt do đang có 01 tiền sự. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo tính răn đe, giáo dục.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự thú, đầu thú. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng do bị cáo không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị áp dụng các Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông N với số tiền 1.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, xe mô tô biển số 67M3-5853 đã được giao trả cho bà L1, ông H nên đề nghị không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Lê Văn Q khai nhận, khoảng 07 giờ ngày 12/02/2023, bị cáo đi bộ đến ấp H, xã K, thấy xe đạp (đã cũ, không nhớ rõ đặc điểm), được dựng cặp lề đường, không người trông giữ nên lấy xe đạp chạy đi được khoảng 01 km đến ấp H, xã K, huyện C. Bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 67L1-665.51 của ông Huỳnh Văn N, được dựng cặp lề đường, không người trông giữ. Bị cáo bỏ lại xe đạp tại đây, lấy trộm xe mô tô biển số 67L1-665.51 chạy đến ấp M, xã M, bán cho ông Trương Van N2 với số tiền 400.000 đồng. Bị cáo tiêu xài cá nhân hết số tiền có được.

Đến khoảng 07 giờ ngày 16/02/2023, bị cáo đi bộ từ nhà đến khu vực ấp L, xã K, huyện C tìm tài sản lấy trộm, bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo thấy xe mô tô biển số 67M3-5853 của bà Lê Thị L1, ông Nguyễn Văn H dựng cặp lề đường, không người trông giữ nên lén đến tháo dây điện ở cổ xe, nổ máy điều khiển xe về hướng khu vực xã M tìm nơi tiêu thụ. Sau đó, bà Nguyễn Thị Kim L (mẹ của bị cáo) gọi điện thoại cho bị cáo kêu bị cáo trả lại xe mô tô đã lấy trộm cho

người bị mất trộm. Bị cáo nhờ bà L đến kênh Đ nhận xe mô tô trả cho bị hại. Sau đó, bị cáo gặp bà L tại kênh Đ và giao xe mô tô biển số 67M3-5853 nhờ bà L trả lại cho người bị mất trộm. Bị cáo đến Công an xã K đầu thú.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: các biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 12/02/2023 và ngày 16/02/2023 do Công an xã K, huyện C lập; các biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 17/02/2023 và ngày 10/5/2023 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C lập; lời khai của bà Lê Thị L1, ông Nguyễn Văn H (chồng của L1) về việc bà L1 nghe tiếng máy của xe mô tô nổ, nhìn thấy bị cáo lấy trộm xe mô tô biển số 67M3-5853, được dựng cặp lề đường, chạy đi vào khoảng 07 giờ 15 ngày 16/02/2023 nên gọi điện thoại cho ông H biết. Bà L1, ông H trình báo Công an; lời khai của ông Huỳnh Văn N, bà Trần Thị Nít N1 (vợ của N) về việc ông N phát hiện xe mô tô biển số 67L1-665.51 của ông N, được dựng cặp lề đường thuộc khu vực ấp H, xã K, huyện C, bị mất trộm vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/02/2023. Ông N điện thoại cho bà N1 biết và trình báo công an; lời khai của ông Nguyễn Phúc L2, ông Phạm Hữu P, bà Huỳnh Thị O về việc nghe bà L1 tri hô bị mất trộm xe mô tô biển số 67M3-5853 vào khoảng 08 giờ ngày 16/02/2023. Khi đó, ông L2, bà O thấy người thanh niên lạ đang điều khiển xe mô tô chạy về hướng ấp H; lời khai của ông Triệu Văn Việt H1 về việc được ông N cho biết bị mất trộm xe mô tô biển số 67L1-665.51 vào khoảng 08 giờ 30 phút 12/02/2023; lời khai của bà Nguyễn Thị Kim L, ông Lê Văn T1 (mẹ, chú ruột của bị cáo) về việc ông T1 nghe tin bị cáo lấy trộm xe mô tô của bà L1 nên điện thoại cho bà L biết. Bà L điện thoại kêu bị cáo trả xe mô tô cho bà L1. Sau đó, bị cáo giao xe mô tô biển số 67M3-5853 cho bà L mang về trả cho bà L1; lời khai của ông Trương Văn N2 về việc có mua xe mô tô biển số 67L1-665.51 từ bị cáo vào ngày 12/02/2023 với giá 400.000 đồng. Sau đó, ông N2 bán xe này cho người lạ với giá 500.000 đồng.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là xe mô tô nhãn hiệu YUMATI, biển số 67M3-5853.

Theo giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy số 026627 do Công an huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 17/02/2016, xe mô tô biển số 67L1-665.51 do ông Trương Văn T đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, ông Trương Văn T khai đã bán xe mô tô này cho người lạ vào năm 2017, chưa sang tên chủ sở hữu. Đồng thời, ông Huỳnh Văn N, bà Trần Thị Nít N1 khai, ông N đã mua xe mô tô biển số 67L1-665.51 từ người lạ, chưa sang tên chủ sở hữu. Cho nên, ông N là người quản lý, sử dụng hợp pháp xe mô tô biển số 67L1-665.51.

Theo giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy số 0081396 do Công an huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 14/02/2007, xe mô tô biển số 67M3-5853 do ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ sở hữu. Đồng thời, ông H, bà L1 khai xe mô tô biển số 67M3-5853 là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà L1. Cho nên, ông H, bà L1 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 67M3-5853.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện các bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 67L1-665.51 của ông N, xe mô tô biển số 67M3-5853 của bà L1, ông H.

Theo các Bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG.TTHS ngày 21/02/2023 và số 24/KL-HĐĐG.TTHS ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, 01 xe mô tô nhãn hiệu YUMATI, biển số 67M3-5853, đã qua sử dụng, trị giá 4.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu ORIENTAL, biển số 67L1-665.51, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.500.000 đồng.

Đối với việc bị cáo khai có lấy 01 chiếc xe đạp trước thời điểm chiếm đoạt xe mô tô biển số 67L1-665.51 vào ngày 12/02/2023, thấy rằng, bị cáo không nhớ đặc điểm xe, không biết xe đạp của ai. Xe đạp không thu hồi được. Cơ quan điều tra đã thực hiện thủ tục truy tìm, xác minh nhưng vẫn chưa xác định được người bị mất xe đạp, việc bị cáo chiếm đoạt, bỏ lại xe đạp như bị cáo khai. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông N, bà L1, ông H là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng tài sản không có người trông coi, mau chóng tẩu thoát, tiêu thụ, cất giấu tài sản chiếm đoạt được và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo đang có tiền sự bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào ngày 23/10/2020, với thời hạn 21 tháng, chấp hành xong ngày 16/02/2022. Điều này thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự thú, đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông N2 có hành vi mua xe mô tô biển số 67L1-665.51 từ bị cáo rồi bán lại cho người lạ. Tuy nhiên, khi mua bán, ông N2 không biết xe mô tô biển số 67L1-665.51 là tài sản do phạm tội mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông N2 là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho bà L1, ông H xe mô tô biển số 67M3-5853 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

- Đối với số tiền 500.000 đồng mà ông N2 có được từ việc bán xe mô tô biển số 67L1-665.51, mặc dù, khoản tiền này có được do bán tài sản chiếm đoạt được nhưng ông N2 ngay tình khi mua tài sản này từ bị cáo và bán lại cho người lạ. Cho nên, không buộc ông N2 giao nộp số tiền 500.000 đồng có được từ việc bán xe mô tô biển số 67L1-665.51 vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại xe mô tô biển số 67M3-5853 bị chiếm đoạt, bà L1, ông H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xe mô tô biển số 67L1-665.51 bị chiếm đoạt, không thu hồi được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu của ông N, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông N với số tiền 1.500.000 đồng theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều

51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"*;*

Xử phạt: Lê Văn Q 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/02/2023 *(ngày mười sáu, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)*.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Văn Q bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Huỳnh Văn N với số tiền *1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn Q phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm và *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông Nguyễn Văn H, ông Trương Văn N2 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị L1, ông Huỳnh Văn N, bà Trần Thị Nít N1, ông Trương Văn T là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện C;
- CQTHAHS Công an huyện C;
- CQĐT Công an huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình